



## Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không

### THÔNG TIN CHUNG

#### Giấy Chứng nhận

Đăng ký Kinh doanh Số 49/GP/KDBH ngày 23 tháng 4 năm 2008

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh do Bộ Tài chính cấp, đã được điều chỉnh các lần sau:

Số 49/GPDC/KDBH	ngày 11 tháng 8 năm 2008
Số 49/GPDC/KDBH	ngày 11 tháng 11 năm 2008
Số 49/GPDC/KDBH	ngày 30 tháng 6 năm 2010
Số 49/GPDC/KDBH	ngày 07 tháng 8 năm 2010
Số 49/GPDC/KDBH	ngày 01 tháng 11 năm 2011
Số 49/GPDC/KDBH	ngày 06 tháng 7 năm 2013

#### Hội đồng Quản trị

Ông Trần Thanh Hiền	Chủ tịch
Ông Phạm Hồng Thái	Ủy viên <i>(đến ngày 15/05/2014)</i>
Ông Đào Mạnh Kháng	Ủy viên
Bà Sử Bùi Bảo Ngọc	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Thu Trang	Ủy viên <i>(đến ngày 15/05/2014)</i>
Ông Nguyễn Văn Thịnh	Ủy viên
Ông Phạm Việt Minh	Ủy viên

#### Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Anh Đức	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Tuấn Phan	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Trọng Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Việt Quân	Kế toán trưởng

#### Trụ sở đăng ký

Tầng 15, tòa nhà Geleximco  
Số 36 Hoàng Cầu, Quận Đống Đa  
Hà Nội, Việt Nam

**Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không**  
**Bảng cân đối kế toán tại**  
**ngày 30 tháng 09 năm 2014**

**Mẫu B02 – DNBH**  
*(Ban hành theo TT số 232/2012/QĐ-BTC*  
*ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Bộ Tài chính)*

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			30/09/2014	01/01/2014
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1,004,239,430,264</b>	<b>890,974,327,185</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	V.01	<b>249,561,643,964</b>	<b>182,337,903,315</b>
1. Tiền	111		115,561,643,964	45,837,903,315
2. Các khoản tương đương tiền	112		134,000,000,000	136,500,000,000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	V.02	<b>467,440,918,056</b>	<b>436,941,472,176</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		471,429,742,444	441,725,943,777
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn(*)	129		(3,988,824,388)	(4,784,471,601)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>101,132,291,133</b>	<b>269,055,372,459</b>
1. Phải thu của khách hàng	131		169,538,285,231	325,925,128,321
1.1. Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	131.1	V.25.1	54,820,421,866	220,974,405,196
1.2. Phải thu của hoạt động tài chính	131.2		114,717,863,365	104,950,723,125
2. Trả trước cho người bán	132		3,604,977,436	2,063,025,596
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Các khoản phải thu khác	135	V.03	5,611,608,669	5,135,655,821
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(77,622,580,203)	(64,068,437,279)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>12,482,721,322</b>	<b>2,639,579,235</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		8,294,930,972	627,972,267
1.1. Chi phí hoa hồng chưa phân bổ	151.1	V.25.3.1	7,719,054,772	-
1.2. Chi phí trả trước ngắn hạn khác	151.2		575,876,200	627,972,267
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		36,786,020	2,350,048
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		4,151,004,330	2,009,256,920
<b>VIII. Tài sản tái bảo hiểm</b>	<b>190</b>	V.25.5	<b>173,621,855,789</b>	<b>-</b>
1. Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	191		112,596,787,587	-
2. Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	192		61,025,068,202	-
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>52,630,851,896</b>	<b>52,118,975,781</b>
<b>I- Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>7,379,095,590</b>	<b>7,464,215,590</b>
4. Phải thu dài hạn khác	218		7,379,095,590	7,464,215,590
4.1. Ký quỹ bảo hiểm	218.1		6,000,000,000	6,000,000,000
4.2. Phải thu dài hạn khác	218.2		1,379,095,590	1,464,215,590
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>6,168,307,415</b>	<b>5,633,616,866</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	6,091,500,406	5,512,723,234
- Nguyên giá	222		15,845,991,969	13,587,356,319
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(9,754,491,563)	(8,074,633,085)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	76,807,009	120,893,632
- Nguyên giá	228		1,175,350,000	1,175,350,000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(1,098,542,991)	(1,054,456,368)
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>37,990,000,000</b>	<b>37,990,000,000</b>
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	37,990,000,000	37,990,000,000
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1,093,448,891</b>	<b>1,031,143,325</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	1,093,448,891	1,031,143,325
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1,056,870,282,160</b>	<b>943,093,302,966</b>

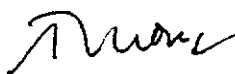
*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không**  
**Bảng cân đối kế toán tại**  
**ngày 30 tháng 09 năm 2014**

**Mẫu B02 – DNBH**  
*(Ban hành theo TT số 232/2012/QĐ-BTC*  
*ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Bộ Tài chính)*

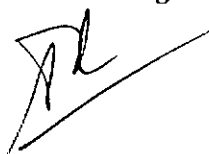
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2014	01/01/2014
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>530,253,544,433</b>	<b>412,083,013,502</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>526,604,026,098</b>	<b>407,169,036,624</b>
2. Phải trả cho người bán	312		185,363,321,966	194,291,372,258
2.1. Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	312.1	V.25.2	185,363,321,966	194,053,772,258
2.2. Phải trả khác cho người bán	312.2		-	237,600,000
3. Người mua trả tiền trước	313		3,008,158,030	506,153,097
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	5,620,162,940	6,279,556,881
5. Phải trả người lao động	315		5,814,531,492	4,305,058,804
8. Các khoản phải trả, phải nộp, ngắn hạn khác	319	V.18	1,815,813,461	4,050,508,499
9. Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng	319.1		6,572,679,428	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		(851,865,709)	-
13. Dự phòng nghiệp vụ	329		319,261,224,490	197,736,387,085
13.1. Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	329.1	V.25.4.1	189,695,068,382	71,037,532,889
13.2. Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	329.2	V.25.4.1	100,337,926,214	98,643,200,193
13.3. Dự phòng dao động lớn	329.3		29,228,229,894	28,055,654,003
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>3,649,518,335</b>	<b>4,913,976,878</b>
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		3,649,518,335	4,913,976,878
<b>B - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>526,616,737,727</b>	<b>531,010,289,464</b>
Vốn chủ sở hữu	410	V.22	526,616,737,727	531,010,289,464
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		500,000,000,000	500,000,000,000
9. Quỹ dự trữ bắt buộc	419		8,082,261,173	8,082,261,173
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		18,534,476,554	22,928,028,291
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1,056,870,282,160</b>	<b>943,093,302,966</b>

Người lập



Nguyễn Thị Thu Hương

Kế toán Trưởng



Trần Việt Quân



Tổng Giám đốc



Nguyễn Anh Đức

Ngày 20 tháng 10 năm 2014

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Tổng hợp**  
**cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2014**

**Mẫu B02 – DNBH**  
*(Ban hành theo TT số 232/2012/TT-BTC*  
*ngày 28 tháng 12 năm 2012 của BTC*

Chi tiêu	Mã số	Đơn vị tính: VND	
		Từ 01/01/2014 đến 30/09/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/09/2013
1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	10	122,572,466,969	123,012,520,787
2. Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	11	-	-
3. Doanh thu hoạt động tài chính	12	45,673,175,963	45,842,902,804
4. Thu nhập khác	13	187,487,196	50,031,836
5. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	20	102,435,128,729	83,622,999,790
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	13,214,346,307	15,980,633,864
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	29,011,999,302	40,238,102,948
9. Chi phí khác	24	292,094,686	6,673,707
<b>10. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>	<b>23,479,561,104</b>	<b>29,057,045,118</b>
11. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	4,995,084,550	7,006,775,280
12. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	-	-
<b>13. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>	<b>18,484,476,554</b>	<b>22,050,269,838</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này*

*m*

**Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**  
**cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2014**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B02 – DNBH**  
*(Ban hành theo TT số 232/2012/TT-BTC*  
*ngày 28 tháng 12 năm 2012 của BTC*

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2014 đến 30/09/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/09/2013
1. Doanh thu phí bảo hiểm	1	VI.26.1	317,700,165,694	348,700,573,153
- Phí bảo hiểm gốc	1.1		265,559,063,286	317,557,788,385
- Phí nhận tái bảo hiểm	1.2		23,499,557,585	34,765,810,318
- Tăng (giảm) dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	1.3		(28,641,544,823)	3,623,025,550
2. Phí nhượng tái bảo hiểm	2	VI.26.2	206,502,941,408	244,783,009,105
- Tổng phí nhượng tái bảo hiểm	2.1		171,800,648,679	244,783,009,105
- Tăng (giảm) dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	2.2		(34,702,292,729)	-
3. Doanh thu phí bảo hiểm thuần	3		111,197,224,286	103,917,564,048
4. Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	4		11,375,242,683	19,094,956,739
- Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	4.1		10,340,837,399	18,208,682,408
- Doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	4.2		1,034,405,284	886,274,331
<b>5. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm</b>	<b>10</b>		<b>122,572,466,969</b>	<b>123,012,520,787</b>
6. Chi bồi thường	11		76,581,636,101	81,306,677,402
- Tổng chi bồi thường	11.1		76,581,636,101	81,306,677,402
7. Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	12		42,573,727,683	41,302,701,877
8. Tăng (giảm) dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	13		1,694,726,021	(4,169,453,379)
9. Tăng (giảm) dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	14		(9,437,807,838)	-
10. Tổng chi bồi thường bảo hiểm	15	VI.28.1	45,140,442,277	35,834,522,146
11. Tăng (giảm) dự phòng dao động lớn	16		1,172,575,891	1,075,428,459
12. Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	17	VI.28.2	56,122,110,561	46,713,049,185
- Chi hoa hồng bảo hiểm	17.1		7,941,499,635	18,494,216,691
- Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	17.2		48,180,610,926	28,218,832,494
<b>13. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm</b>	<b>18</b>		<b>102,435,128,729</b>	<b>83,622,999,790</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

C.  
 TY  
 AN  
 EN  
 ION

IP. J

m

**Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**  
**cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2014**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B02 – DNBH**  
*(Ban hành theo TT số 232/2012/TT-BTC*  
*ngày 28 tháng 12 năm 2012 của BTC*

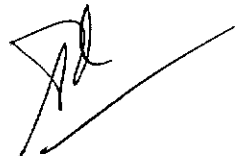
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2014 đến 30/09/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/09/2013
14. Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm	19		20,137,338,240	39,389,520,997
18. Doanh thu hoạt động tài chính	23	VI.29	45,673,175,963	45,842,902,804
19. Chi phí hoạt động tài chính	24	VI.30	13,214,346,307	15,980,633,864
20. Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính	25		32,458,829,656	29,862,268,940
21. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.33.1	29,011,999,302	40,238,102,948
22. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		23,584,168,594	29,013,686,989
23. Thu nhập khác	31		187,487,196	50,031,836
24. Chi phí khác	32		292,094,686	6,673,707
25. Lợi nhuận khác	40		(104,607,490)	43,358,129
26. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		23,479,561,104	29,057,045,118
27. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		4,995,084,550	7,006,775,280
28. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
29. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		18,484,476,554	22,050,269,838

Người lập

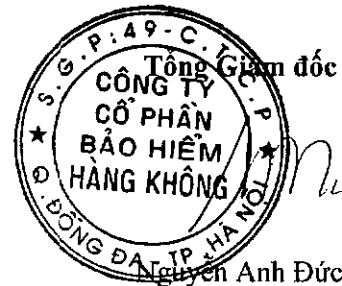


Nguyễn Thị Thu Hương

Kế toán Trưởng



Trần Việt Quân



Tổng Giám đốc  
 Nguyễn Anh Đức

Ngày 20 tháng 10 năm 2014

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không**  
**Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ**  
**cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2014**

**Mẫu B03 – DNBH**  
*(Ban hành theo TT số 232/2012/QĐ-BTC*  
*ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Bộ Tài chính)*

Chi tiêu	Mã số	Đơn vị: VND	
		Từ 01/01/2014 đến 30/09/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/09/2013
<b>I - Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>I</b>	<b>85,198,583,157</b>	<b>108,981,722,856</b>
1. Tiền thu phí bảo hiểm và hoa hồng	1	161,785,351	325,310,049
2. Tiền thu từ các khoản nợ phí và hoa hồng	2	119,360,440,193	445,194,082,384
3. Tiền thu từ các khoản thu được giảm chi	3	82,107,649	469,433,059
4. Tiền thu từ các hoạt động kinh doanh khác	4	650,568,998,111	344,623,512,716
5. Tiền chi để trả bồi thường bảo hiểm	5	31,236,752,397	45,156,012,620
6. Tiền chi để trả hoa hồng và các khoản nợ khác của kinh doanh bảo hiểm	6	11,681,115,702	293,280,558,300
7. Tiền chi để trả cho người cung cấp hàng hoá dịch vụ	7	34,129,561,388	32,240,480,613
8. Tiền chi để trả cho người lao động	8	18,063,457,110	16,228,707,645
9. Tiền chi nộp thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	9	25,560,324,052	36,241,675,019
10. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	10	547,475,846,223	243,744,251,492
11. Tiền tạm ứng cho cán bộ công nhân viên và ứng trước cho người bán	11	16,827,691,275	14,738,929,663
<b>II - Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>	<b>II</b>	<b>1,904,210,933</b>	<b>50,417,169,462</b>
2. Tiền thu lãi đầu tư	22	7,233,785,009	1,915,301,230
3. Tiền thu do bán TSCĐ	23	0	1,363,636
5. Tiền mua TSCĐ	25	740,035,500	
6. Tiền chi để cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	26	110,244,385,567	86,383,911,129
7. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	27	101,220,148,991	130,759,285,424
8. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	28	4,434,698,000	4,125,130,301
<b>III - Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>	<b>III</b>	<b>-17,379,053,441</b>	<b>-48,878,432,726</b>
1. Tiền thu do đi vay	31	0	
2. Tiền thu do các chủ sở hữu góp vốn	32	0	
3. Tiền thu từ lãi tiền gửi	33	23,099,550,321	33,254,879,307
4. Tiền chi trả nợ vay	34	0	5,600,000
5. Tiền đã hoàn vốn cho các chủ sở hữu	35	0	
6. Tiền lãi đã trả cho các nhà đầu tư vào doanh nghiệp	36	21,500,000,000	34,000,000,000
7. Gửi tại các tổ chức tín dụng	37	387,000,000,000	768,111,400,000
8. Nhận lại tiền gửi từ các tổ chức tín dụng	38	368,500,000,000	719,789,880,000
3.9 Chênh lệch đánh giá lại tỉ giá cuối kỳ	39	-478,603,762	193,807,967
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>69,723,740,649</b>	<b>110,520,459,592</b>
<b>Tiền tồn đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>45,837,903,315</b>	<b>7,430,031,492</b>
<b>Tiền tồn cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>115,561,643,964</b>	<b>117,950,491,084</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này*



Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

## **1. Thông tin khái quát**

Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không (gọi tắt là “Công ty”) là doanh nghiệp cổ phần được thành lập theo Giấy phép số 49GP/KDBH ngày 23 tháng 4 năm 2008 do Bộ Tài chính cấp. Trong quá trình hoạt động, Giấy phép kinh doanh đã được sửa đổi làm năm lần vào các ngày 11/08/2008, 11/11/2008, 30/06/2010, 07/08/2010 và lần gần đây nhất là vào ngày 16/7/2013 như sau:

### *Giấy phép kinh doanh điều chỉnh*

Số 49/GPDC/KDBH ngày 11/8/2008  
Số 49/GPDC/KDBH ngày 11/11/2008  
Số 49/GPDC/KDBH ngày 30/6/2010  
Số 49/GPDC/KDBH ngày 07/8/2010  
Số 49/GPDC/KDBH ngày 01/11/2011  
Số 49/GPDC/KDBH ngày 06/7/2013

### *Nội dung điều chỉnh*

Thành lập chi nhánh TP. HCM  
Thành lập chi nhánh Hà Nội, Đà Nẵng, Nghệ An, Hải Phòng  
Thành lập chi nhánh Hải Dương  
Thành lập chi nhánh Tây Nguyên  
Thành lập chi nhánh Nam Hồng Hà  
Thành lập chi nhánh Thăng Long

Vốn điều lệ của Công ty là 500 tỷ Đồng.

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2014, số vốn thực góp của các cổ đông của Công ty là 500 tỷ Đồng.

Công ty có Văn phòng chính tại Tầng 15, Tòa nhà GELEXIMCO, 36 phố Hoàng Cầu - phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, Hà Nội. Tại ngày 31 tháng 03 năm 2014, Công ty có 9 Chi nhánh tại Hà Nội, Hải Dương, Hải Phòng, Ninh Bình, Nghệ An, Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh, Tây Nguyên trực thuộc.

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh dịch vụ bảo hiểm phi nhân thọ, các nghiệp vụ về tái bảo hiểm và đầu tư tài chính.

## **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính và năm tài chính**

### **a) Cơ sở lập các báo cáo tài chính**

Các báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), đồng tiền chức năng của Công ty, được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **b) Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán cho các doanh nghiệp bảo hiểm ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC (“Thông tư 232”) ngày 28 tháng 12 năm 2012 hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 và áp dụng từ năm tài chính 2014.

Việc áp dụng Thông tư 232 yêu cầu trình bày các thông tin liên quan đến hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm, tình hình bồi thường và nhiều thông tin quan trọng khác. Ban Tổng Giám đốc Công ty nhận thấy mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính của Công ty năm 2014 về lợi

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính**  
**cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2014**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B03 – DNBH**  
*Ban hành theo TT số 232/2012/QĐ-BTC*  
*ngày 28 tháng 12 năm 2012 của BTC)*

nhuận, tổng tài sản, tổng nguồn vốn cũng như một số chỉ tiêu trên bảng cân đối kế toán, kết quả kinh doanh.

Áp dụng chế độ kế toán theo Thông tư 232 phi hồi tố do đó Công ty không trình bày lại số liệu năm 2013.

**c) Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**3. Tóm tắt các chính sách kế toán áp dụng:**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính này.

**a) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**b) Các khoản đầu tư**

Các khoản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**c) Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi**

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập dựa trên tình trạng quá hạn của các khoản nợ và các khoản lỗ dự kiến đối với những khoản nợ trong hạn có thể phát sinh khi một tổ chức tài chính bị phá sản; hoặc chủ nợ bị mất tích, bỏ trốn, đang bị truy tố, ở tù, đang chờ thi hành án hoặc đã chết.

Dự phòng các khoản phải thu khó đòi dựa trên tình trạng quá hạn được lập theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 như sau:

**Tình trạng quá hạn**

**Tỷ lệ dự phòng**

Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	30%
Từ 1 năm đến dưới 2 năm	50%
Từ 2 năm đến dưới 3 năm	70%
Từ 3 năm trở lên	100%

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính**  
**cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2014**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B03 – DNBH**  
*Ban hành theo TT số 232/2012/QĐ-BTC*  
*ngày 28 tháng 12 năm 2012 của BTC)*

**d) Tài sản cố định hữu hình**

***Nguyên giá***

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến, và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

***Khấu hao***

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- |                       |       |
|-----------------------|-------|
| ▪ Phương tiện vận tải | 8 năm |
| ▪ Thiết bị văn phòng  | 3 năm |

**e) Tài sản cố định vô hình**

***Phần mềm máy vi tính***

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

**f) Ký quỹ bảo hiểm**

Công ty phải ký quỹ bảo hiểm bằng 2% vốn pháp định, khoản ký quỹ này được hưởng lãi theo thỏa thuận với ngân hàng nơi ký quỹ và được thu hồi khi chấm dứt hoạt động. Tiền ký quỹ chỉ được sử dụng để đáp ứng các cam kết đối với bên mua bảo hiểm khi khả năng thanh toán bị thiếu hụt và phải được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản.

**g) Chi phí hoa hồng chưa phân bổ**

Chi phí hoa hồng ghi nhận được ghi nhận đồng thời ghi nhận doanh thu bảo hiểm theo tỷ lệ. Năm 2014, Công ty thực hiện phân bổ chi phí hoa hồng khai thác tương ứng với doanh thu chưa được hưởng sang kỳ kế toán sau và được hạch toán là một khoản chi phí chờ phân bổ trong bảng cân đối kế toán. Phương pháp và tiêu thức phân bổ chi phí hoa hồng theo phương pháp trích lập dự phòng phí bảo hiểm đã đăng ký với Bộ Tài chính. So với năm 2013, phân bổ chi phí hoa hồng có ảnh hưởng đến lợi nhuận của Công ty.

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này*

**h) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**i) Dự phòng nghiệp vụ**

Dự phòng nghiệp vụ được tính trên cơ sở thận trọng và được lập theo các quy định và hướng dẫn của Thông tư 125/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 23 tháng 7 năm 2012. Phương pháp lập dự phòng và các giả định dùng khi tính dự phòng nghiệp vụ của mỗi loại sản phẩm đã được Bộ Tài chính phê duyệt khi sản phẩm được phát hành.

Dự phòng nghiệp vụ của Công ty bao gồm:

***Dự phòng phí chưa được hưởng***

Dự phòng phí chưa được hưởng được tính theo phương pháp trích lập theo tỷ lệ phần trăm của tổng phí bảo hiểm. Mức trích lập dự phòng phí đối với các loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hóa được tính bằng 25% mức phí giữ lại trong năm và bằng 50% mức phí giữ lại trong năm đối với các loại hình bảo hiểm khác.

Năm 2014, Công ty trình bày Dự phòng phí chưa được hưởng trên bảng cân đối kế toán tại mục:

- Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái là khoản dự phòng cho phần doanh thu chưa được hưởng tại ngày báo cáo và được hạch toán là một khoản nợ phải trả trong bảng cân đối kế toán.
- Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm là khoản dự phòng cho phần phí nhượng tái tương ứng phần doanh thu chưa được hưởng tại ngày báo cáo và được hạch toán là tài sản tái bảo hiểm trong bảng cân đối kế toán.

Năm 2013, dự phòng phí chưa được hưởng trình bày tại mục Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái.

***Dự phòng bồi thường***

Được Công ty thực hiện trích lập theo phương pháp từng hồ sơ đối với các tổn thất thuộc phạm vi bảo hiểm khách hàng đã khiếu nại nhưng chưa giải quyết. Mức trích lập dựa trên ước tính tổn thất phát sinh, bao gồm phần trách nhiệm giữ lại của Tổng Công ty và phần phải thu đòi nhà tái.

Đối với các tổn thất chưa được thông báo, dự phòng bồi thường (INBR) được trích lập bằng 3% phí giữ lại theo công văn số 112/BTC-QLBH ngày 22 tháng 1 năm 2013 của Bộ Tài chính đồng ý phương pháp trích lập dự phòng năm 2013.

***Dự phòng dao động lớn***

Công ty trích lập dự phòng dao động lớn theo Thông tư số 125/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính. Dự phòng dao động lớn được lập ở mức 1% phí bảo hiểm giữ lại trong năm.

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính**  
**cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2014**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B03 – DNBH**  
*Ban hành theo TT số 232/2012/QĐ-BTC*  
*ngày 28 tháng 12 năm 2012 của BTC)*

**j) Ghi nhận doanh thu phí bảo hiểm**

***Doanh thu phí bảo hiểm gốc***

Doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận khi phát sinh trách nhiệm đối với bên mua bảo hiểm, phù hợp với Thông tư 125/2012/TT-BTC.

***Doanh thu nghiệp vụ tái bảo hiểm***

Doanh thu phí nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh trách nhiệm, theo số phát sinh dựa trên bảng thông báo tái bảo hiểm của các nhà nhượng tái bảo hiểm gửi cho Công ty và được xác nhận bởi Công ty.

Doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận đồng thời với phí nhượng tái bảo hiểm phát sinh trong năm. Năm 2014, Công ty thực hiện phân bổ doanh thu hoa hồng nhượng tái tương ứng với dự phòng phí nhượng tái theo phương pháp trích lập dự phòng bảo hiểm đã đăng ký với Bộ Tài Chính, phù hợp với Thông tư 32. So với năm 2013, phân bổ doanh thu hoa hồng nhượng tái ảnh hưởng đến lợi nhuận Công ty.

***Doanh thu từ hoạt động tài chính***

Doanh thu từ các hoạt động tài chính của Công ty như lãi tiền gửi ngân hàng, cổ phiếu, trái phiếu được ghi nhận khi phát sinh.

***Phí nhượng tái bảo hiểm***

Công ty ghi nhận phí nhượng tái bảo hiểm Trên cơ sở số phí phải nhượng cho các nhà tái bảo hiểm, tương ứng với doanh thu phí bảo hiểm gốc đã ghi nhận trong năm.

**k) Ghi nhận chi phí**

***Chi phí bồi thường***

Chi phí bồi thường bảo hiểm gốc được ghi nhận trên cơ sở phát sinh khi Công ty chấp thuận bồi thường theo thông báo bồi thường.

Các khoản chi bồi thường nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh, trên cơ sở bảng thông báo tái của các nhà tái bảo hiểm gửi cho Công ty và Công ty chấp thuận bồi thường.

Các khoản thu đòi bồi thường nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận trên cơ sở phát sinh theo số phải thu tương ứng với chi phí bồi thường đã ghi nhận trong năm và tỷ lệ nhượng tái.

***Chi phí hoa hồng bảo hiểm***

Chi phí hoa hồng bảo hiểm, Công ty ghi nhận đồng thời ghi nhận doanh thu bảo hiểm theo tỷ lệ.

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính**  
**cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2014**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B03 – DNBH**  
*Ban hành theo TT số 232/2012/QĐ-BTC*  
*ngày 28 tháng 12 năm 2012 của BTC)*

Năm 2014, Công ty thực hiện phân bổ chi phí hoa hồng khai thác tương ứng với doanh thu chưa được hưởng sang kỳ kế toán sau và được hạch toán là một khoản chi phí chờ phân bổ trong bảng cân đối kế toán, phù hợp với Thông tư 232. Phương pháp và tiêu thức phân bổ chi phí hoa hồng theo phương pháp trích lập dự phòng phí bảo hiểm đã đăng ký với Bộ Tài chính. Phân bổ chi phí hoa hồng có ảnh hưởng đến lợi nhuận của Công ty.

**Các chi phí khác** được ghi nhận khi thực tế phát sinh.

**1) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời. Trong năm, do không có các khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu nào nên Công ty không phản ánh khoản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại nào trên báo cáo tài chính này.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này*

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>30/09/2014</b>	<b>31/12/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt tại quỹ	513,913,024	373,961,055
Tiền gửi ngân hàng	114,892,230,940	45,463,942,260
Tiền đang chuyển	155,500,000	-
Các khoản tương đương tiền (i)	134,000,000,000	136,500,000,000
	<b>249,561,643,964</b>	<b>182,337,903,315</b>

(i) Các khoản tương đương tiền là tiền gửi có thời gian đáo hạn dưới 3 tháng tại các ngân hàng thương mại trong nước.

**2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**

	<b>30/09/2014</b>	<b>31/12/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Đầu tư chứng khoán ngắn hạn (a)</b>		
Cổ phiếu niêm yết	47,429,742,444	38,725,943,777
Trái phiếu đến hạn trong vòng 1 năm	70,000,000,000	70,000,000,000
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn (*)	(3,988,824,388)	(4,784,471,601)
	<b>113,440,918,056</b>	<b>103,941,472,176</b>
<b>Đầu tư ngắn hạn khác (b)</b>		
Tiền gửi có kỳ hạn (ii)	354,000,000,000	333,000,000,000
	<b>354,000,000,000</b>	<b>333,000,000,000</b>
	<b>467,440,918,056</b>	<b>436,941,472,176</b>

(ii) Tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng là tiền gửi có thời gian đáo hạn từ trên 3 tháng đến dưới 12 tháng tại các ngân hàng thương mại trong nước.

**Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính**  
**cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2014**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B03 – DNBH**  
*Ban hành theo TT số 232/2012/QĐ-BTC*  
*ngày 28 tháng 12 năm 2012 của BTC)*

**3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác**

	30/09/2014	31/12/2013
	VND	VND
Phải thu người lao động	4,229,816,824	4,760,466,124
Phải thu khác	1,381,791,845	375,189,697
	<b>5,611,608,669</b>	<b>5,135,655,821</b>

**8. Tài sản cố định hữu hình**

	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	5,141,441,414	8,445,914,905	13,587,356,319
Tăng trong kỳ	997,636,364	1,299,085,000	2,296,721,364
Giảm trong kỳ	-	38,085,714	38,085,714
Số dư tại ngày 30/09/2014	<b>6,139,077,778</b>	<b>9,706,914,191</b>	<b>15,845,991,969</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	2,690,342,082	5,384,291,003	8,074,633,085
Tăng trong kỳ	554,783,640	1,163,160,552	1,717,944,192
Giảm trong kỳ		38,085,714	38,085,714
Số dư tại ngày 30/09/2014	<b>3,245,125,722</b>	<b>6,509,365,841</b>	<b>9,754,491,563</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu năm	2,451,099,332	3,061,623,902	5,512,723,234
Số dư tại ngày 30/09/2014	<b>2,893,952,056</b>	<b>3,197,548,350</b>	<b>6,091,500,406</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này*



**Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính**  
**cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2014**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B03 – DNBH**  
*Ban hành theo TT số 232/2012/QĐ-BTC*  
*ngày 28 tháng 12 năm 2012 của BTC)*

**10. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Phần mềm máy vi tính VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>		
Số dư đầu năm	1,175,350,000	1,175,350,000
Tăng trong kỳ	-	0
Giảm trong kỳ	0	0
Số dư tại ngày 30/09/2014	<b>1,175,350,000</b>	<b>1,175,350,000</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Số dư đầu năm	1,054,456,368	1,054,456,368
Tăng trong kỳ	44,086,623	44,086,623
Giảm trong kỳ	0	0
Số dư tại ngày 30/09/2014	<b>1,098,542,991</b>	<b>1,098,542,991</b>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Số dư đầu năm	120,893,632	120,893,632
Số dư tại ngày 30/09/2014	<b>76,807,009</b>	<b>76,807,009</b>

**13. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

	<b>30/09/2014 VND</b>	<b>31/12/2013 VND</b>
<b>c- Đầu tư dài hạn khác</b>		
Trái phiếu Tổng Công ty Lắp máy	36,000,000,000	36,000,000,000
Vốn góp vào Công ty CP Sông Đà Tây Đô	1,990,000,000	1,990,000,000
	<b>37,990,000,000</b>	<b>37,990,000,000</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này*

**14. Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>30/09/2014</b>	<b>31/12/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền thuê cơ sở hạ tầng trả trước	879,873,724	638,808,975
Trả trước cho hoạt động kinh doanh nhiều kỳ	84,624,657	34,407,756
Công cụ lao động có giá trị lớn xuất dùng 1 lần	128,950,510	357,926,594
	<b>1,093,448,891</b>	<b>1,031,143,325</b>

**16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<b>30/09/2014</b>	<b>31/12/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế giá trị gia tăng	3,538,345,811	3,404,341,865
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2,031,815,106	5,813,586,221
Thuế thu nhập cá nhân	(6,007,734)	91,892,924
Thuế thu nhập đại lý	6,576,371	11,117,881
Thuế khác	1,739,392	(3,231,241,017)
Phí, lệ phí khác	47,693,994	189,859,007
	<b>5,620,162,940</b>	<b>6,279,556,881</b>

**18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<b>30/09/2014</b>	<b>31/12/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải trả Bảo hiểm xã hội	3,849,067	3,561,550
Phải trả Bảo hiểm y tế	1,532,443	2,638,665
Phải trả kinh phí Công đoàn	545,876,453	448,098,495
Phải trả cho các cổ đông	522,826,847	522,826,847
Phải trả khác	741,728,651	3,073,382,942
	<b>1,815,813,461</b>	<b>4,050,508,499</b>

**22. Vốn chủ sở hữu**

	<b>Vốn điều lệ</b>	<b>Dự trữ bắt buộc</b>	<b>Lợi nhuận chưa phân phối</b>	<b>Tổng cộng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Số dư tại 01/01/2013</b>	<b>500,000,000,000</b>	<b>6,832,256,420</b>	<b>34,457,155,985</b>	<b>541,289,412,405</b>
Chi trả cổ tức cho cổ đông			(34,000,000,000)	(34,000,000,000)
Lợi nhuận năm 2013			25,000,095,059	25,000,095,059
Trích quỹ dự trữ bắt buộc		1,250,004,753	(1,250,004,753)	
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi			(257,155,985)	(257,155,985)
Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi(*)			(1,022,062,015)	(1,022,062,015)
<b>Số dư tại 31/12/2013</b>	<b>500,000,000,000</b>	<b>8,082,261,173</b>	<b>22,928,028,291</b>	<b>531,010,289,464</b>
Chi trả cổ tức cho cổ đông			(21,500,000,000)	(21,500,000,000)
Thưởng cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát			(200,000,000)	(200,000,000)
Lợi nhuận năm 2014			18,484,476,554	18,484,476,554
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi			(1,178,028,291)	(1,178,028,291)
<b>Số dư tại 30/09/2014</b>	<b>500,000,000,000</b>	<b>8,082,261,173</b>	<b>18,534,476,554</b>	<b>526,616,737,727</b>

**25.1 Phải thu về hợp đồng bảo hiểm**

	<b>30/09/2014</b>	<b>31/12/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải thu hoạt động bảo hiểm gốc	18,926,053,040	108,298,803,014
Trong đó:		
+ Phải thu của bên mua bảo hiểm	16,199,938,916	105,823,316,916
+ Phải thu của các doanh nghiệp đồng bảo hiểm	2,726,114,124	2,475,486,098
Phải thu hoạt động nhận tái bảo hiểm	15,174,778,906	16,298,801,779
Phải thu hoạt động nhượng tái bảo hiểm	13,389,838,371	89,264,947,901
Phải thu bồi thường từ các doanh nghiệp đồng bảo hiểm	1,632,287,824	1,444,617,364
Phải thu khác của khách hàng	5,697,463,725	5,667,235,138
	<b>54,820,421,866</b>	<b>220,974,405,196</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này*

## 25.2 Phải trả về hợp đồng bảo hiểm

	<b>30/09/2014</b>	<b>31/12/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải trả phí nhượng tái bảo hiểm	133,798,642,788	85,449,977,811
Phải trả doanh nghiệp tham gia đồng bảo hiểm	22,765,656,763	60,026,411,371
Phải trả bồi thường bảo hiểm	9,722,533,711	35,196,547,314
Phải trả hoa hồng bảo hiểm	1,875,920,517	1,798,190,987
Phải trả khác	17,200,568,187	11,582,644,775
	<b>185,363,321,966</b>	<b>194,053,772,258</b>

## 25.3 Chi phí trả trước ngắn hạn

<b>25.3.1 Chi phí hoa hồng chưa phân bổ</b>	<b>30/09/2014</b>	<b>31/12/2013</b>
<b>Số dư đầu năm</b>	-	
Chi phí hoa hồng chưa phân bổ phát sinh trong năm	7,719,054,772	
Chi phí hoa hồng đã phân bổ vào chi phí trong năm		
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>7,719,054,772</b>	-

Chi phí hoa hồng phân bổ áp dụng cho năm tài chính 2014 theo Thông tư 232/2012/QĐ-BTC ngày 28/12/2012 của Bộ Tài chính.

**25.4 Dự phòng nghiệp vụ**

**25.4.1- Dự phòng bồi thường và dự phòng phí chưa được hưởng**

	30/09/2014			31/12/2013		
	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	Dự phòng nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm thuần	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	Dự phòng nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm thuần
1	2	3	4=2-3	5	6	7=5-6
1. Dự phòng bồi thường	100,337,926,214	61,025,068,202	<b>39,312,858,012</b>	98,643,200,193	70,462,876,040	<b>28,180,324,153</b>
Trong đó:						
- Dự phòng cho các yêu cầu đòi bồi thường chưa giải quyết.	95,446,566,852	61,025,068,202	<b>34,421,498,650</b>	94,074,227,785	70,462,876,040	<b>23,611,351,745</b>
- Dự phòng cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa thông báo IBNR	4,891,359,362		<b>4,891,359,362</b>	4,568,972,408		<b>4,568,972,408</b>
2. Dự phòng phí chưa được hưởng (*)	189,695,068,382	112,596,787,587	<b>77,098,280,795</b>	71,037,532,889		<b>71,037,532,889</b>
<b>Cộng</b>	<b>290,032,994,596</b>	<b>173,621,855,789</b>	<b>116,411,138,807</b>	<b>169,680,733,082</b>	<b>70,462,876,040</b>	<b>99,217,857,042</b>

(\*) Năm 2013, dự phòng phí chưa được hưởng, Công ty áp dụng theo phương pháp trích lập theo tỷ lệ phần trăm của tổng phí bảo hiểm giữ lại.

Năm 2014, Công ty tính dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm theo phương pháp trích lập theo tỷ lệ phần trăm của tổng phí bảo hiểm; dự phòng nhượng tái bảo hiểm theo phương pháp tỷ lệ phần trăm tính trên phí nhượng tái bảo hiểm.

Mức trích lập được áp dụng theo Thông tư số 125/2012/TT-BTC ngày 30/07/2012.

Năm 2013, Dự phòng nhượng tái cho các yêu cầu đòi bồi thường chưa giải quyết trình bày mục phải thu về hợp đồng bảo hiểm.

**25.5 Tài sản tái bảo hiểm**

	30/09/2014	31/12/2013
	VND	VND
1. Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	112,596,787,587	
2. Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	61,025,068,202	
	<b>173,621,855,789</b>	<b>-</b>

**Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính**  
**cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2014**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B03 – DNBH**  
*Ban hành theo TT số 232/2012/QĐ-BTC*  
*ngày 28 tháng 12 năm 2012 của BTC)*

**26.1 Doanh thu phí bảo hiểm**

	<b>Từ 01/01/2014 đến 30/09/2014</b>	<b>Từ 01/01/2013 đến 30/09/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Thu phí bảo hiểm</b>	<b>270,530,442,670</b>	<b>335,127,325,410</b>
<i>Bảo hiểm hàng không</i>	117,636,262,997	176,297,341,059
<i>Bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người</i>	7,493,769,752	7,819,454,187
<i>Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại</i>	21,374,777,934	33,973,767,098
<i>Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển</i>	9,062,575,456	8,547,727,405
<i>Bảo hiểm xe cơ giới</i>	66,758,122,595	59,412,426,185
<i>Bảo hiểm cháy, nổ</i>	38,771,779,774	19,591,941,967
<i>Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự chủ tàu</i>	1,671,631,964	20,943,851,886
<i>Bảo hiểm trách nhiệm chung</i>	7,582,081,585	8,437,230,643
<i>Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh</i>	179,440,613	103,584,980
<i>Bảo hiểm khác</i>	-	-
<b>Các khoản giảm phí bảo hiểm gốc</b>	<b>(4,971,379,384)</b>	<b>(17,569,537,025)</b>
<b>Phí nhận tái bảo hiểm</b>	<b>25,041,049,293</b>	<b>35,583,215,689</b>
<i>Bảo hiểm hàng không</i>	755,955,565	1,194,139,247
<i>Bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người</i>	-	1,135,363
<i>Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại</i>	13,612,024,978	11,402,843,464
<i>Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển</i>	2,016,852,667	14,097,969,779
<i>Bảo hiểm xe cơ giới</i>	32,111,750	132,478,499
<i>Bảo hiểm cháy, nổ</i>	6,491,824,975	6,700,084,995
<i>Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự chủ tàu</i>	1,409,642,833	198,179,812
<i>Bảo hiểm trách nhiệm chung</i>	550,860,533	1,842,492,647
<i>Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh</i>	171,775,992	13,891,883
<i>Bảo hiểm khác</i>	-	-
<b>- Các khoản giảm trừ phí nhận tái bảo hiểm</b>	<b>(1,541,491,708)</b>	<b>(817,405,371)</b>
<b>- Tăng (giảm) dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm</b>	<b>(28,641,544,823)</b>	<b>3,623,025,550</b>
	<b>317,700,165,694</b>	<b>348,700,573,153</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này*

*m*

**Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính**  
**cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2014**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B03 – DNBH**  
*Ban hành theo TT số 232/2012/QĐ-BTC*  
*ngày 28 tháng 12 năm 2012 của BTC)*

**26.2 Phí nhượng tái bảo hiểm**

	<b>Từ 01/01/2014 đến 30/09/2014</b>	<b>Từ 01/01/2013 đến 30/09/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Tổng phí nhượng tái bảo hiểm</b>	<b>171,800,648,679</b>	<b>244,783,009,105</b>
<i>Bảo hiểm hàng không</i>	<i>107,858,922,866</i>	<i>154,301,774,686</i>
<i>Bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người</i>	<i>123,629,276</i>	<i>1,275,706,766</i>
<i>Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại</i>	<i>14,369,525,596</i>	<i>34,531,269,105</i>
<i>Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển</i>	<i>5,168,906,259</i>	<i>5,110,411,128</i>
<i>Bảo hiểm xe cơ giới</i>	<i>672,329,587</i>	<i>1,161,954,131</i>
<i>Bảo hiểm cháy, nổ</i>	<i>39,339,045,848</i>	<i>22,437,902,338</i>
<i>Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự chủ tàu</i>	<i>1,354,525,068</i>	<i>19,910,110,513</i>
<i>Bảo hiểm trách nhiệm chung</i>	<i>2,600,340,754</i>	<i>5,938,434,487</i>
<i>Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh</i>	<i>313,423,425</i>	<i>115,445,951</i>
<i>Bảo hiểm khác</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<b>Tăng (giảm) dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm</b>	<b>(34,702,292,729)</b>	<b>-</b>
	<b>206,502,941,408</b>	<b>244,783,009,105</b>

**28.1 Chi bồi thường bảo hiểm**

	<b>Từ 01/01/2014 đến 30/09/2014</b>	<b>Từ 01/01/2013 đến 30/09/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Chi bồi thường</b>	<b>76,581,636,101</b>	<b>81,306,677,402</b>
<i>Bảo hiểm hàng không</i>	<i>38,996,778,954</i>	<i>34,154,820,579</i>
<i>Bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người</i>	<i>3,453,049,875</i>	<i>3,522,034,677</i>
<i>Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại</i>	<i>9,344,795,853</i>	<i>985,866,229</i>
<i>Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển</i>	<i>2,344,714,516</i>	<i>502,868,771</i>
<i>Bảo hiểm xe cơ giới</i>	<i>21,180,885,498</i>	<i>27,004,511,308</i>
<i>Bảo hiểm cháy, nổ</i>	<i>989,910,348</i>	<i>1,734,822,338</i>
<i>Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự chủ tàu</i>	<i>167,341,287</i>	<i>855,165,504</i>
<i>Bảo hiểm trách nhiệm chung</i>	<i>6,351,000</i>	<i>48,734,705</i>
<i>Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh</i>	<i>25,295,747</i>	<i>15,878,325</i>
<i>Bảo hiểm khác</i>	<i>72,513,023</i>	<i>12,481,974,966</i>
<b>Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm</b>	<b>42,573,727,683</b>	<b>41,302,701,877</b>
<b>Tăng (giảm) dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm</b>	<b>1,694,726,021</b>	<b>(4,169,453,379)</b>
<b>Tăng (giảm) dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm</b>	<b>(9,437,807,838)</b>	<b>-</b>
	<b>45,140,442,277</b>	<b>35,834,522,146</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này*

## 28.2 Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm

	Từ 01/01/2014 đến 30/09/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/09/2013
	VND	VND
Chi hoa hồng bảo hiểm	7,941,499,635	18,494,216,691
Chi giám định tổn thất	415,324,129	372,651,144
Chi đánh giá rủi ro của đối tượng bảo hiểm		353,605,806
Chi đề phòng hạn chế rủi ro, tổn thất	7,084,423,292	6,424,175,254
Chi phí liên quan đến hoạt động bán hàng (*)	26,502,238,089	20,733,390,552
Chi phí lương, chi phí phục vụ khai thác BH(**)	13,570,336,127	
Chi phí khác	608,289,288	335,009,738
<b>Cộng</b>	<b>56,122,110,561</b>	<b>46,713,049,185</b>

Năm 2014, Công ty thay đổi cách thức phân loại chi phí phù hợp Thông tư 232/2012/QĐ-BTC.

(\*) Các chi phí liên quan đến hoạt động bán hàng như chi phí tiếp xúc, chăm sóc khách hàng....được Công ty ghi nhận vào chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm. Số liệu năm 2013, Công ty trình bày lại từ chi phí bán hàng.

(\*\*) Chi phí lương nhân viên khai thác, quảng cáo, điện nước.... phát sinh tại các chi nhánh của Công ty nhằm phục vụ hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc, Công ty ghi nhận chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm. Năm 2013, Công ty ghi nhận chi phí quản lý doanh nghiệp.

## 29. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2014 đến 30/09/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/09/2013
	VND	VND
Lãi tiền gửi	28,167,087,821	31,384,838,007
<i>Lãi tiền gửi ngân hàng</i>	<i>28,167,087,821</i>	<i>31,384,838,007</i>
Thu lãi đầu tư cổ phiếu, trái phiếu	16,235,897,443	12,394,621,883
<i>Lãi trái phiếu</i>	<i>9,002,112,434</i>	<i>10,479,320,653</i>
<i>Thu lãi đầu tư cổ phiếu</i>	<i>7,233,785,009</i>	<i>1,915,301,230</i>
Lãi chênh lệch tỷ giá	139,729,290	751,174,019
Cổ tức được chia	1,122,698,000	1,311,344,000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	7,763,409	924,895
	<b>45,673,175,963</b>	<b>45,842,902,804</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này*



### 30. Chi phí tài chính

	<b>Từ 01/01/2014 đến 30/09/2014</b>	<b>Từ 01/01/2013 đến 30/09/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí dự phòng đầu tư ngắn hạn	11,973,271,510	13,808,261,286
<i>Chi phí dự phòng cho tiền gửi tại Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Công nghiệp Tàu thủy và Công ty; Tài chính Công nghiệp Tàu thủy – Chi nhánh Hải Phòng</i>	7,173,512,499	7,365,264,675
<i>Chi phí dự phòng cho trái phiếu Công ty cổ phần Sông Đà Thăng Long</i>	5,595,406,224	10,663,512,636
<i>Trích dự phòng giảm giá chứng khoán</i>	(795,647,213)	(4,220,516,025)
Lỗi chênh lệch tỷ giá	913,478,833	610,323,494
Chi phí đầu tư chứng khoán	320,437,911	1,556,449,084
Chi phí hoạt động tài chính khác	7,158,053	5,600,000
	<b>13,214,346,307</b>	<b>15,980,633,864</b>

### 33.1 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<b>Từ 01/01/2014 đến 30/09/2014</b>	<b>Từ 01/01/2013 đến 30/09/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nhân viên quản lý	16,113,530,397	19,898,896,588
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8,985,442,244	11,688,761,868
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	820,908,781
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1,762,030,815	2,075,339,892
Chi phí dụng cụ văn phòng	290,485,609	766,025,741
Chi phí vật liệu quản lý	655,715,473	964,744,487
Thuế, phí và lệ phí	(511,401,761)	2,196,817,991
Chi phí Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, cổ đông	1,141,393,767	1,004,826,041
Chi phí quản lý khác	574,802,758	821,781,559
	<b>29,011,999,302</b>	<b>40,238,102,948</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính**  
**cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2014**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B03 - DNBH**  
*Ban hành theo TT số 232/2012/QĐ-BTC*  
*ngày 28 tháng 12 năm 2012 của BTC)*

Năm 2013, chi phí lương nhân viên, thuê văn phòng, quảng cáo.... phát sinh tại các chi nhánh của Công ty ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp. Năm 2014, Công ty chỉ ghi nhận chi phí quản lý tại đơn vị các khoản chi phí lương, phụ cấp của Ban Lãnh đạo, bộ phận gián tiếp, tiền thuê trụ sở chi nhánh, khấu hao TSCĐ phù hợp TT232.

(\*) Năm 2014, Công ty được cơ quan thuế hoàn thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước.

Người lập



Nguyễn Thị Thu Hương

Kế toán Trưởng



Trần Việt Quân



Ngày 20 tháng 10 năm 2014



*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này*



**CÔNG TY CỔ PHẦN  
BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 852/BHKK - TCKT  
Vv Giải trình kết quả kinh doanh

Hà Nội, ngày 22 tháng 10 năm 2014

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước**

Căn cứ theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán đối với công ty đại chúng quy mô lớn, Công ty cổ phần Bảo hiểm Hàng không xin được giải trình báo cáo kết quả kinh doanh 9 tháng năm 2014 có sự biến động trên 10% so với 9 tháng năm 2013 như sau:

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	9 tháng năm 2014	9 tháng năm 2013	Biến động so với cùng kỳ (%)
1	Lợi nhuận sau thuế TNDN của Báo cáo tài chính	18.484	22.050	- 16,17%

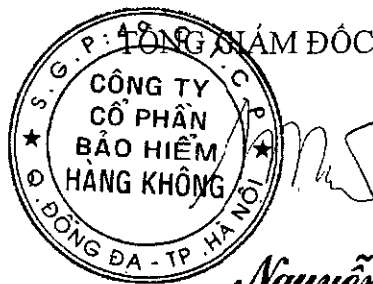
Trên Báo cáo tài chính, chỉ tiêu lợi nhuận sau Thuế TNDN 9 tháng năm 2014 bằng 83,83% (biến động giảm 16,17%) so với cùng kỳ năm 2013. Nguyên nhân chủ yếu của việc giảm lợi nhuận do đầu năm 2014 Công ty phát sinh chi phí bồi thường cho một số vụ tổn thất lớn làm cho chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm tăng dẫn đến lợi nhuận trước thuế TNDN và lợi nhuận sau thuế TNDN trong 9 tháng năm 2014 đều có biến động giảm so với chỉ tiêu này trong 9 tháng năm 2013.

Công ty cổ phần Bảo hiểm Hàng không báo cáo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước được biết.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TCKT.



Nguyễn Anh Đức